

BÁO CÁO

Tình hình giá cả thị trường tỉnh Lạng Sơn tháng 8/2020

1. Tình hình thị trường

Trong tháng 8/2020, giá cả các loại hàng hóa trên thị trường tỉnh Lạng Sơn cơ bản ổn định, hoạt động mua bán hàng hóa diễn ra bình thường. Giá cả tại các chợ, siêu thị, trung tâm thương mại tương đối ổn định.

Giá cả của một số mặt hàng vào thời điểm khảo sát thực tế tại chợ Giếng Vuông và chợ Bờ Sông cụ thể như sau: Giá gà sống thối mức 160.000 - 170.000đ/kg, giá vịt làng khoảng 70.000đ/kg, cá rô phi 45.000 đ/kg, cá chép 65.000 đ/kg, cá quả 120.000đ/kg, cá trắm (đen) 85.000đ/kg, bí xanh 15.000đ/kg, chanh 35.000đ/kg, khoai tây 20.000đ/kg, dưa chuột 15.000đ/kg, cà rốt 15.000đ/kg, su hào 15.000đ/kg,...

Chỉ số giá (CPI) chung toàn tỉnh tháng 8/2020 tăng 7,97% so với cùng kỳ năm trước do ảnh hưởng một số nhóm hàng sau: Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,68%; Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép giảm 0,05%; Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình giảm 0,14%; Nhóm bưu chính viễn thông 0,05%; Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0,04%; Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác giảm 0,05%. Có 3 nhóm hàng hóa tăng so với tháng trước là: Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 0,47%; Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD tăng 0,68%; Còn lại nhóm thuốc và dịch vụ y tế, nhóm giáo dục giá ổn định.

Chỉ số giá vàng so với tháng trước tăng 6,51% do trong tháng giá vàng thế giới có nhiều biến động (chủ yếu tăng) do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trên thế giới diễn biến phức tạp, thị trường vàng trong nước giao dịch điều chỉnh giá tăng, giảm theo giá thị trường. Giá vàng tăng cũng là nguyên nhân tăng giá của các mặt hàng trang sức.

Chỉ số giá đô la Mỹ giảm 0,13% so với tháng trước.

2. Tình hình mặt hàng thịt gia súc tươi sống

Đến ngày 15/8/2020 dịch tả lợn Châu Phi đã xảy ra tại 940 hộ/343 thôn/113 xã của 11 huyện, thành phố. Tổng số lợn chết và tiêu hủy là 2.964 con. Nguyên nhân xảy ra dịch là do người dân mua lợn không rõ nguồn gốc về nuôi, chăn nuôi không đảm bảo an toàn sinh học; mặt khác hoạt động buôn bán lợn con giống, lợn thịt từ các tỉnh khác đưa vào địa bàn làm phát sinh và lây lan dịch.

Giá thịt lợn trên thị trường khảo sát ngày 31/8/2020 tại các chợ Bờ Sông, Giếng Vuông, Kỳ Lừa và Chi Lăng cụ thể như sau: Thịt lợn hơi dao

động ở mức 85.000đ/kg - 87.000đ/kg; thịt lợn thành phẩm dao động ở mức 130.000đ/kg – 150.000đ/kg (thịt nạc vai: 130.000đ/kg; thịt ba chỉ: 150.000đ/kg; sườn 150.000đ/kg...), giảm từ 20.000đ/kg-30.000đ/kg so với tháng trước.

3. Diễn biến giá cả một số mặt hàng thiết yếu so với tháng trước tại thời điểm khảo sát (có Biểu kèm theo)

- Giá xăng, dầu: tăng, giảm theo thị trường thế giới.
- Giá vàng bán ra 5.480.000đ/1chỉ tăng 280.000đ/1chỉ so với tháng trước.
- Giá cả một số mặt hàng thiết yếu tháng 8/2020 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chi tiết như biểu kèm theo.

4. Dự báo diễn biến tình hình giá cả tháng tiếp theo

Trong tháng 9 có ngày nghỉ lễ Quốc khánh 2/9 và ngày rằm tháng 7 (âm lịch), dự báo trong tháng sẽ có sự tăng, giảm về giá nhưng chỉ số giá sẽ không biến động lớn; riêng một số mặt hàng xăng dầu, khí đốt hoá lỏng (LPG) sẽ tiếp tục có những biến động tăng, giảm theo tác động của thị trường thế giới./.

Nơi nhận:

- Vụ TTTN Bộ Công Thương;
- UBND tỉnh;
- Sở CT một số tỉnh (trao đổi);
- Lãnh đạo Sở;
- TTKC&XTTM (đăng trên website TMĐT);
- Phòng KH-TH;
- VP Sở (đăng trên website Sở Công Thương);
- Lưu: VT, QLTM.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Liễu Anh Minh

GIÁ BÁN LẺ MỘT SỐ MẶT HÀNG THIẾT YẾU(Kèm theo Báo cáo số: /BC-SCT ngày /9/2020
của Sở Công Thương Lạng Sơn)

STT	Mặt hàng	ĐVT	Tháng trước báo cáo	Thời điểm báo cáo	Mức tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5-4)
1	Điện sinh hoạt				
	+ Từ 0-50Kw	đ/kw	1.678	1.678	
	+ Từ 51-100Kw	đ/Kw	1.734	1.734	
	+ Từ 101-200Kw	đ/Kw	2.014	2.014	
	+ Từ 201-300Kw	đ/Kw	2.536	2.536	
	+ Từ 301-400Kw	đ/Kw	2.834	2.834	
	+ Từ 401Kw trở lên	đ/Kw	2.927	2.927	
2	Than tổ ong	đ/viên	3.000	3.000	
3	Sắt				
	- Sắt xây dựng	đ/kg	16.000	16.000	
	- Thép hộp mạ kẽm	đ/kg	20.000	20.000	
4	Thép tròn φ6, φ8	đ/kg	11.550	11.550	
5	Ngói Hạ Long	đ/viên	15.000	15.000	
6	Xi măng				
	- Xi măng Lạng Sơn PCB30	đ/tấn	1.050.000	1.050.000	
	- Xi măng Hoàng Thạch PCB30	đ/tấn	1.550.000	1.550.000	
	- Sỏi Xây dựng	đ/khối	180.000	180.000	
	- Cát Xây	đ/khối	230.000	230.000	
	- Cát vàng (loại 1)	đ/khối	360.000	360.000	
	- Cát vàng (loại 2)	đ/khối	340.000	340.000	
	- Cát chất	đ/khối	180.000	180.000	
7	Tại thời điểm báo cáo giá xăng dầu (từ ngày 30/7/2020 đến ngày 31/8/2020 đã có 02 lần điều chỉnh)				
	Điều chỉnh lần 1 vào ngày 12/8/2020				
	- Xăng RON95	đ/lít	15.370	15.320	-50
	- Xăng E5RON92	đ/lít	14.680	14.680	
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	12.630	12.440	-190

	Điều chỉnh lần 2 vào ngày 27/8/2020				
	- Xăng RON95	đ/lít	15.320	15.510	+190
	- Xăng E5RON92	đ/lít	14.680	14.680	
	- Dầu Diezen 0,05%	đ/lít	12.440	12.190	-250
8	Phân bón				
	- Phân Đạm UREA	đ/kg	7.500	7.500	
	- Phân NPK-S 12.5.10-14 Lâm Thao	đ/kg	6.520	6.520	
9	Vở học sinh (48 trang)	đ/quyển	11.000	11.000	
10	Đường	đ/kg	23.000	23.000	
11	Mỳ tôm	đ/gói	2.500-3.500	2.500-3.500	
12	Muối	đ/kg	3.000	3.000	
13	Dầu ăn	đ/lít	22.000	22.000	
	- Dầu Neptune	đ/lít	41.500	41.500	
	- Dầu đậu nành Tường An	đ/lít	38.500	38.500	
	- Dầu Cái Lân	đ/lít	29.500	29.500	
	- Dầu Simply Hạt cải	đ/lít	39.000	39.000	
14	Nước (đóng chai)	đ/lít	4.000-5.000	4.000-5.000	
15	Giấy vệ sinh	đ/cuộn	5.000-6.000	5.000-6.000	
16	Lương thực, thực phẩm				
	- Gạo tẻ thường	đ/kg	14.000	14.000	
	- Gạo tẻ thường (gạo Bao thai thường)	đ/kg	18.000	18.000	
	- Gạo bao thai mới Thất Khê	đ/kg	18.000	18.000	
	- Gạo nếp mới Thất Khê	đ/kg	29.000	29.000	
	- Gạo nếp cái hoa vàng	đ/kg	25.000	25.000	
	- Thịt lợn hơi	đ/kg	92.000-94.000	85.000-87.000	-7.000
	- Thịt lợn vai	đ/kg	160.000	130.000	-30.000
	- Thịt mông sấn	đ/kg	160.000	130.000	-30.000
	- Thịt ba chỉ	đ/kg	170.000	150.000	-20.000
	- Thịt chân giò	đ/kg	150.000	140.000	-10.000
	- Sườn lợn	đ/kg	180.000	150.000	-30.000
	- Thịt bò (loại 1)	đ/kg	300.000	300.000	
	- Cá chép (Nuôi)	đ/kg	65.000	65.000	
	- Cá trắm (đen)	đ/kg	85.000	85.000	
	- Gà giò	đ/kg	150.000	150.000	
	- Gà Sóng Thiên	đ/kg	180.000	170.000	-10.000
17	Rau, củ, quả các loại				

	- Bắp cải	đ/kg	15.000	15.000	
	- Su hào	đ/kg	15.000	15.000	
	- Cà rốt	đ/kg	15.000	15.000	
	- Khoai tây	đ/kg	15.000	15.000	
	- Cà chua	đ/kg	15.000	15.000	
	- Chuối tiêu chín	đ/quả	1.000	1.000	
	- Chuối tiêu xanh	đ/quả	3.000	3.000	
	- Cam sành	đ/kg	20.000	20.000	
	- Cam canh	đ/kg	35.000	35.000	
	- Na dai Vietgap loại 1	đ/kg		60.000 - 70.000	
18	Thức ăn chăn nuôi tổng hợp				
	- Cám gà	đ/kg	7.000	7.000	
	- Cám Lợn	đ/kg	10.000	10.000	
	- Ngô hạt	đ/kg	8.000	8.000	